CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (UPCOM: POV)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	8,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.3%	**1.2%**	**1.2%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,821 - 9,269
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	106
Số lượng CPLH (CP)	12,499,612
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,120
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.65
EPS	1,624
P/E	5.2

Tỷ suất lợi nhuận

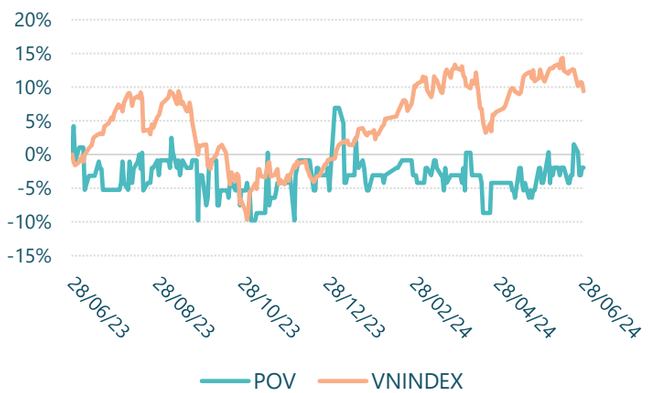

Doanh thu thuần

Q2/24

1,297

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 230 | 21.5%

YoY: ▲ 412 | 46.5%

LN gộp

Q2/24

35.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.70 | 11.5%

YoY: ▲ 8.00 | 28.9%

LN trước thuế

Q2/24

3.10

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.01 | -24.6%

YoY: ▼0.09 | -2.9%

Nợ/VCSH

Q2/24

179%

YoY: +/-▼ 19.2%

ROE (TTM)

Q2/24

11.5%

YoY: +/-▲ 0.2%

ROA (TTM)

Q2/24

4.6%

YoY: +/-▲ 0.1%

Kết quả kinh doanh Q2/24

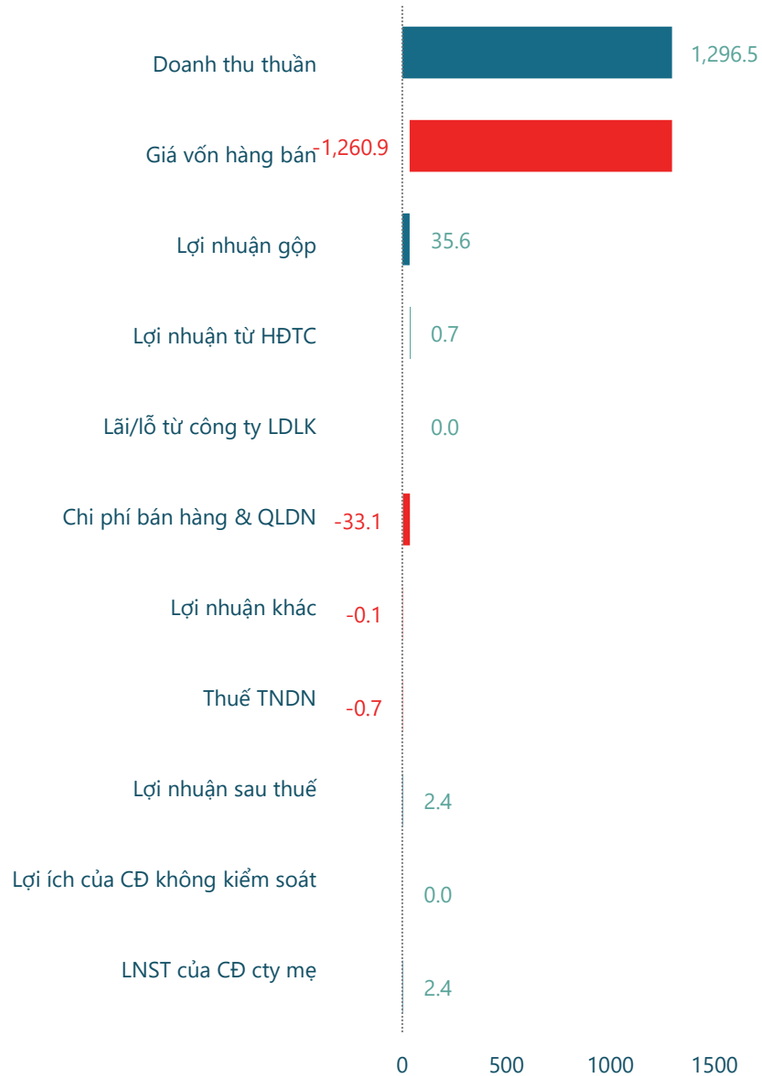

CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (UPCOM: POV)

FireAnt

Kết quả kinh doanh

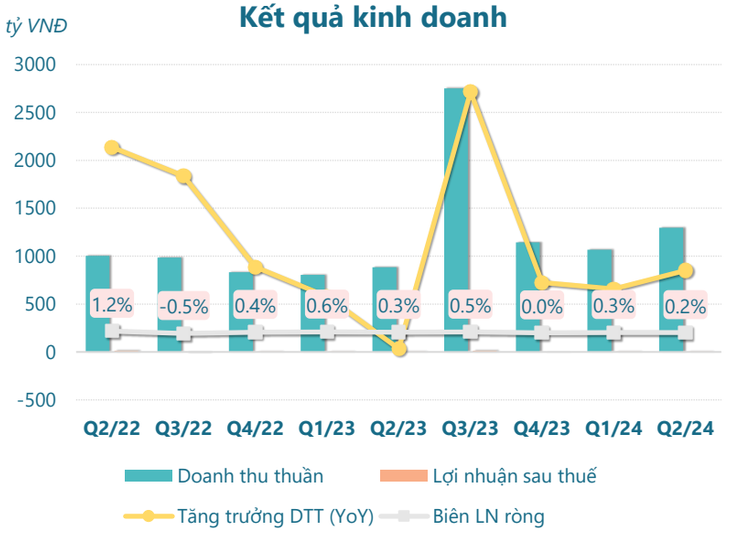

Kết quả kinh doanh của **POV** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,297 tỷ đồng** tăng thêm **46.6%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 2.44 tỷ đồng**, **giảm sút 15.0%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **2,364 tỷ đồng** cao hơn 40.0% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 6.00 tỷ đồng** thấp hơn 25.0% so với cùng kỳ năm trước.

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 3.22 tỷ đồng**, giảm đi 22.2% so với kỳ trước và thấp hơn 3.30% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.73 tỷ đồng**, tăng thêm 0.84 tỷ đồng so với kỳ trước và cao hơn 248% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.12 tỷ đồng** giảm đi 0.09 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.01 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận

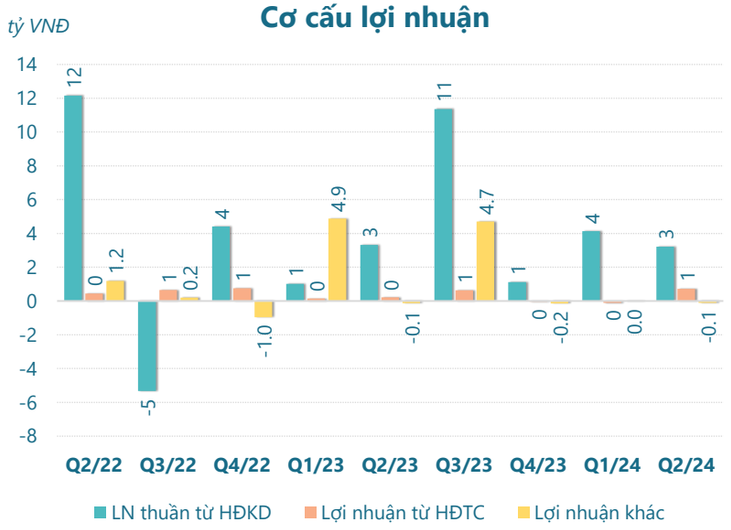

Cơ cấu chi phí

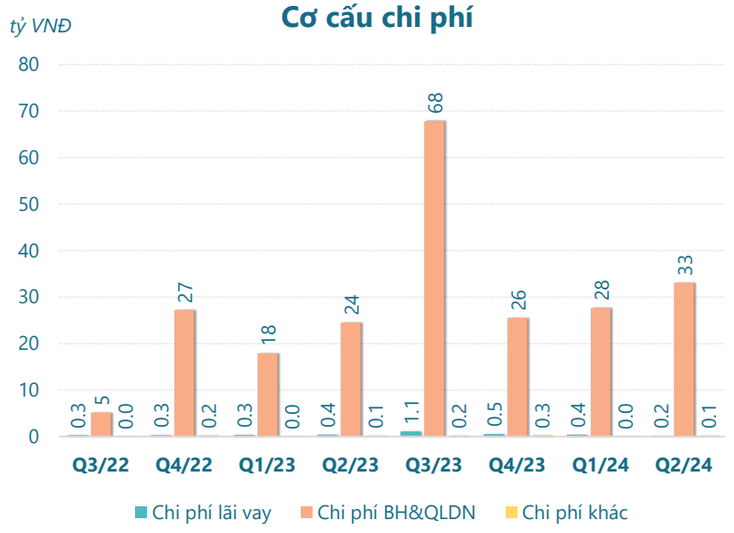

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.16 tỷ đồng** giảm đi 57.9% so với kỳ trước và thấp hơn 61.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **33.08 tỷ đồng** tăng thêm 19.6% so với kỳ trước và cao hơn 35.1% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.13 tỷ đồng** tăng thêm 333% so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (UPCOM: POV)

FireAnt
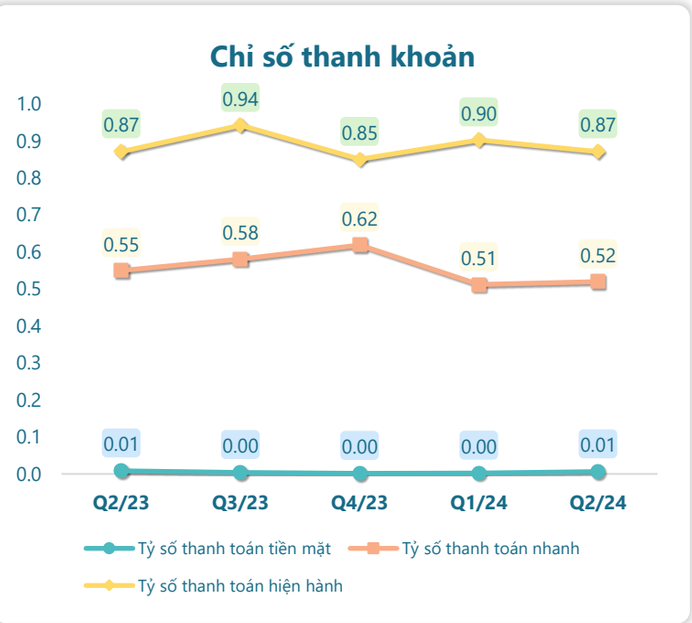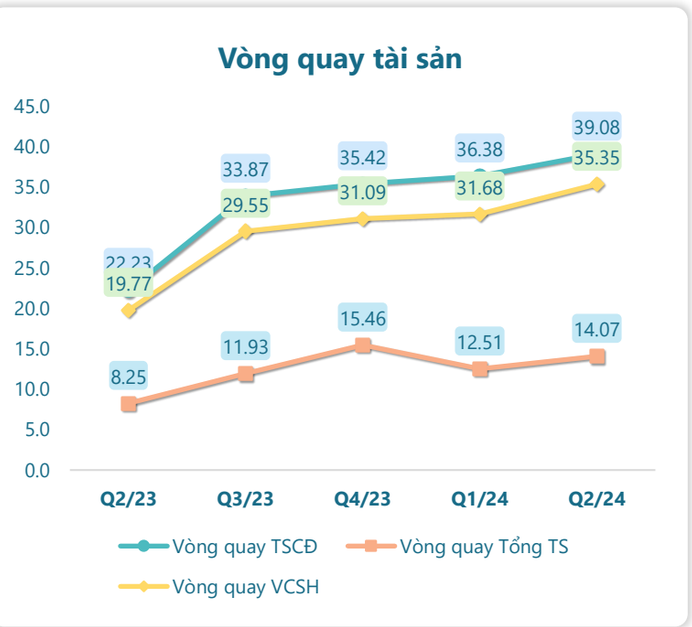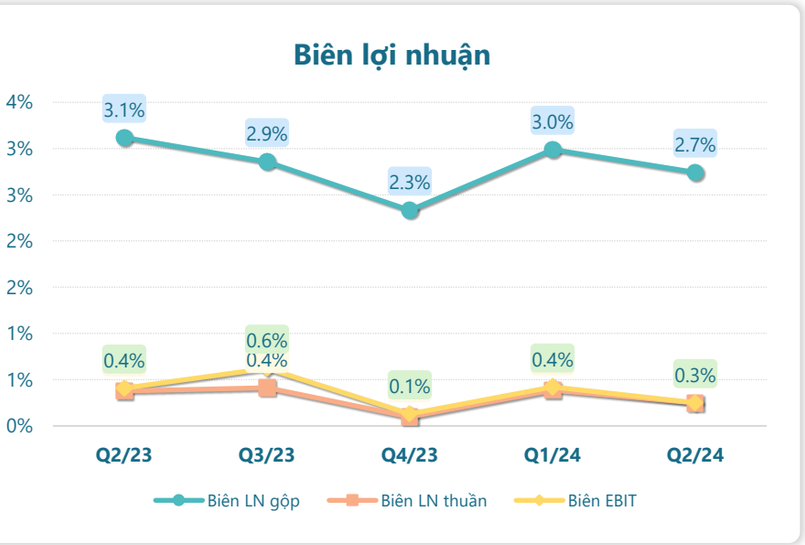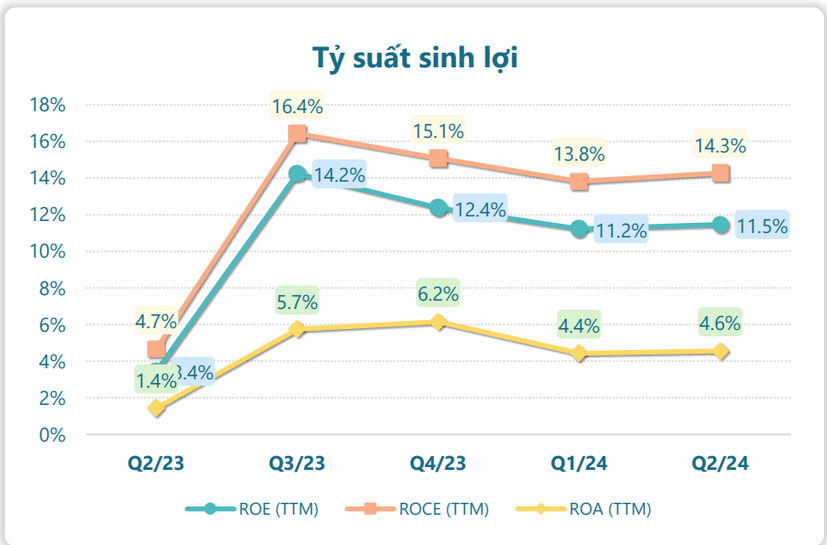
KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,297**	**1,067**	**21.5%**	**885**	**46.5%**	**2,364**	**1,689**	**40.0%**
Giá vốn hàng bán	1,261	1,035	21.8%	857	47.1%	2,296	1,642	39.8%
Lợi nhuận gộp	35.6	31.9	11.5%	27.6	28.9%	67.5	46.3	45.6%
Doanh thu HĐTC	0.89	0.26	241%	0.63	40.8%	1.15	1.13	2.1%
Chi phí TC	0.16	0.38	-57.9%	0.41	-60.9%	0.54	0.76	-29.7%
Chi phí lãi vay	0.16	0.38	-57.9%	0.41	-60.9%	0.54	0.76	-29.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	30.9	24.8	24.5%	22.4	37.8%	55.7	38.5	44.5%
Chi phí QLDN	**2.21**	**2.86**	**-22.7%**	**2.11**	**4.7%**	**5.07**	**3.85**	**31.7%**
LN thuần từ HĐKD	3.22	4.14	-22.3%	3.33	-3.4%	7.35	4.34	69.5%
Lợi nhuận khác	**-0.12**	**-0.03**	**-300%**	**-0.13**	**7.7%**	**-0.15**	**4.74**	**-103%**
LN trước thuế	3.10	4.11	-24.6%	3.19	-2.9%	7.20	9.07	-20.6%
Lợi nhuận sau thuế	**2.44**	**3.28**	**-25.5%**	**2.87**	**-14.8%**	**5.73**	**7.67**	**-25.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.44**	**3.28**	**-25.5%**	**2.87**	**-14.8%**	**5.73**	**7.67**	**-25.3%**